TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20/08/2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu

2. Bà Trần Thị Kim Tân

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Kim Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: không tham gia

Ngày 20 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 07 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 08 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thái Huyền Tr,** sinh năm 1979, có mặt.

Địa chỉ: Số 60, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Phạm Minh N**, sinh năm 1973, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1631, ấp 1, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thái Huyền Tr trình bày: chị và anh Phạm Minh N tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2005

tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về nhận thức, anh N thu nhập không ổn định, không chăm lo kinh tế trong gia đình. Trong quá trình chung sống, chị cảm thấy không thoải mái, do đó chị và anh N không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2018 cho đến nay, nay chị không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu ly hôn với anh Phạm Minh N.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Lê Kh, sinh ngày 21/01/2007, hiện nay con chung đang do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Minh N trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị Tr về điều kiện kết hôn, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, tài sản chung và nợ chung.Anh và chị Tr không còn chung sống với nhau đã lâu nên không còn tình cảm, chị Tr yêu cầu ly hôn anh thì anh đồng ý.

Về con chung, anh và chị Tr có 01 con chung là Phạm Lê Kh, sinh ngày 21/01/2007. Anh đồng ý giao cháu Kh cho chị Tr nuôi và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Minh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Minh N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thái Huyền Tr và anh Phạm Minh N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy, anh chị đều thừa nhận không chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay, nay cả hai không còn tình cảm nên chị Tr yêu cầu ly hôn anh N đồng ý. Như vậy chứng tỏ anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nghĩ nên chấp nhận cho chị Lê Thái Huyền Tr được ly hôn với anh Phạm Minh N là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: giao cháu Phạm Lê Kh, sinh ngày 21/01/2007 cho chị Lê Thái Huyền Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Trang không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh N.

[4] Về tài sản chung: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: anh chị khai không có nợ chung nên không giải quyết.

[6] Về án phí: chị Tr phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thái Huyền Tr được ly hôn với anh Phạm Minh N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Kh, sinh ngày 21/01/2007 cho chị Lê Thái Huyền Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phạm Minh N.

Anh Phạm Minh Nhật được quyền thăm nom con chung. Khi cần thiết, anh Phạm Minh N và chị Lê Thái Huyền Tr được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thái Huyền Tr phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Lê Thái Huyền Tr đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0009468 ngày 13/7/2020 được tính trừ vào án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Đông;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang